CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở THÁI LAN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á CỦA TỔNG THỐNG MỸ BARACK OBAMA

NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG*

Tình hình chính trị tại Thái Lan sau một thời gian lắng đọng sau những vụ biểu tình, bạo loạn đầu năm 2010, lại trở lại căng thẳng do những vụ tấn công liên tiếp xảy ra, đặc biệt là vụ tấn công bằng lựu đạn tại Bangkok trong tuần đầu tháng 9-2010 khi cuộc bầu cử đang tới gần. Một thực tế khi đề cập đến Thái Lan là "lịch sử chính trị Thái Lan luôn luôn gắn liền với những cuộc đảo chính, những cuộc tranh giành quyền lực giữa phái dân sự và phái quân sự, thực chất vẫn là cuộc đấu tranh giữa xu hướng cấp tiến hay bảo thủ, dân chủ hay độc tài" (1). Và một nhà báo người Thái Lan đã nhận xét rằng "nếu không có đảo chính thì không phải là Thái Lan" (2). Kể từ cuộc đảo chính lật đổ Thaksin vào tháng 9 năm 2006 đến nay, Thái Lan chưa bao giờ thực sự có một chính phủ ổn định được bầu theo thể thức dân chủ. Tuy rằng, trong những tháng gần đây, vấn đề này không còn là chủ đề tạo nên sự chú ý trong giới hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu, nhưng cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội kéo dài ở Thái Lan xảy ra trong lúc các nước ASEAN đang hướng đến việc xây dựng Cộng đồng ASEAN tác động không nhỏ tới sự ổn định ở khu vực Đông Nam Á, sự thống nhất của tổ chức này và tính toán của các nước lớn trong quá trình triển khai chính sách đối với khu vực này. Mỹ không phải là một ngoại lệ. Có ý kiến cho rằng sự kiện này sẽ làm "sứt mẻ" hình ảnh của Mỹ tại khu vực vì sức hút của mô hình dân chủ Mỹ sẽ không còn được toàn vẹn như trước. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng, trong khi Thái Lan đang vướng vào việc giải quyết công việc nội bộ, chính sách đối ngoại "cây tre" không thiên về phía Mỹ như trước đây sẽ phải đổi chiều. Thái Lan là một đồng minh châu Á lâu đời của Mỹ, là một nước Đông Nam Á duy nhất được Mỹ cấp quy chế "đồng minh chủ chốt ngoài NATO" và là yếu tố quan trọng tạo nên sự có mặt của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong thời gian gần đây, ảnh hưởng chính trị và kinh tế của Trung Quốc tại Thái Lan có chiều hướng tăng lên, có khả năng sẽ tạo nên sự tranh giành ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc tại khu vực. Tình trạng bất ổn kéo dài của Thái Lan đã gây nên mối quan ngại đối

*PGS.TS. Học viện Ngoại giao

với tính toán chính sách của Mỹ. Nhưng những thực tế diễn ra gần đây tại khu vực đã không thể hiện chiều hướng tiêu cực.

Liên quan đến chính sách của Mỹ ở khu vực có thể có nhiều cách lý giải và phân tích khác nhau tuỳ thuộc vào cách thức tiếp cận và xử lý thông tin. Tuy nhiên, một vấn đề được chia sẻ giữa các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách vẫn là liệu cuộc khủng hoảng này có dẫn tới sự điều chỉnh nào của các nước lớn tại khu vực, nhất là Mỹ trong thời gian ít nhất là hai năm cầm quyền còn lại của chính quyền Tổng thống Obama? Để tiến hành dự báo có hiệu quả, một số nội dung sẽ được đề cập trong bài viết này có thể góp phần lý giải cho câu hỏi đã nêu.

1. Tác động của cuộc khủng hoảng tới Thái Lan và hợp tác, ổn định tại khu vực Đông Nam Á

Mặc dù tình hình Thái Lan so với 6 tháng đầu năm 2010 không đã dịu đi nhiều, cuộc khủng hoảng chính trị, xã hội đã gây ra những tác động không nhỏ tới tình hình của Thái Lan và ổn định tại khu vực Đông Nam Á. Lý do chính là vì, Thái Lan là một trong năm thành viên sáng lập của ASEAN và nước có nền kinh tế lớn thứ hai ở khu vực Đông Nam Á, là nước có vai trò trong ASEAN và một số tổ chức khu vực khác, và cũng là một trong năm nước đồng minh của Mỹ tại khu vực.

Thái Lan từng được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá là miễn nhiễm với bất ổn chính trị. Nhưng hai đợt khủng hoảng chính trị nghiêm trọng trong gần ba năm qua đã làm thay đổi hoàn toàn cách nhìn về Thái Lan. Với số người chết gia tăng, khu vực trung tâm thủ đô trở thành bãi chiến trường giành giật quyền lực giữa các phe phái, Thái Lan giờ đây trở thành một đất nước không thể kiểm soát và đang suy yếu. Những cuộc biểu tình và những vụ bạo lực trên đường phố đã thể hiện rõ rạn nứt xã hội lớn trong lòng xã hội Thái Lan do bất bình đẳng về cơ hội cũng như những mâu thuẫn tích tụ, hậu quả của cả một giai đoạn phát triển không cân đối mà không có các chính sách xã hội đúng đắn đi cùng. Biến động chính trị - xã hội tại Thái Lan cho thấy mâu thuẫn khó thể hàn gắn về xã hội giữa các tầng lớp dân cư, thể hiện qua xung đột giữa "phe áo vàng" - mà đại diện là quân đội, Hoàng gia, các doanh nhân và tầng lớp trung lưu và "phe áo đỏ" - đại diện cho tầng lớp dân cư nghèo ở nông thôn, xuất thân chủ yếu từ các vùng Đông Bắc và miền Bắc Thái Lan. Mâu thuẫn chính trị giữa các phe phái còn ảnh hưởng tới thể chế quân chủ vốn được ngưỡng mộ của Thái Lan.

Nền kinh tế Thái Lan đã chịu tác động khá nặng nề, sẽ mất một thời gian dài để lấy lại nhịp độ phát triển vốn có. Thái Lan được gắn với hình ảnh của những bãi biển đầy nắng, những con người tươi cười, nồng ấm khỏa lấp khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng, nhưng giờ đây mang hình ảnh của một đất nước không thể kiểm soát và suy yếu. Một số chuyên gia đánh giá cuộc khủng hoảng hiện tại tệ hại hơn rất nhiều những cuộc bạo lực xảy ra trước đó như xung đột giữa sinh viên và quân đội đầu những năm 70 và cuộc nổi dậy vì dân chủ ở Bangkok năm 1992 (3). Theo đánh giá của Andrew Yates, một giám đốc của Asia Plus Securities, chi nhánh ở Thái Lan của Ngân hàng hoàng gia Scotland, thì các tổ chức tài chính như ngân hàng và đơn vị môi giới cũng có thể thu hẹp phạm vi hoạt động. Một số công ty đã buộc phải đưa nhân viên của họ ra nhiều địa điểm khác nhau của thành phố khi bạo lực bất ngờ leo thang. Yates nhận xét "Rồi đây có thể thấy ngành công nghiệp tài chính sẽ chuyển nhân viên từ Bangkok đến những nơi như Singapore" (4).

Thiệt hại lớn hơn cả và về lâu dài, đó là Thái Lan sẽ bị mất đi sức thu hút các nhà đầu tư ngoại quốc mà đất nước này phụ thuộc khá nặng nề, ước tính khoảng 94 tỷ đô la Mỹ. Từ khi nổ ra cuộc đảo chính năm 2006, các nhà đầu tư vẫn duy trì niềm tin vào đất nước này. Nhưng những cuộc biểu tình trong thời gian nửa đầu năm 2010 đã khiến một số công ty của người nước ngoài bị đình trệ và các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu e ngại. Ngân hàng đầu tư Morgan Stanley cảnh báo kinh tế Thái Lan năm nay sẽ giảm tăng trưởng khoảng 0,2% riêng vì đợt khủng hoảng này, chủ yếu vì ảnh hưởng tới ngành du lịch (5) vốn đưa lại mức thu nhập kỷ lục là 6% GDP. Ngân hàng Thế giới đã đưa ra con số dự báo cho tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2011 là 3,6% vì khủng hoảng nợ châu Âu hiện nay và những khó khăn trước mắt, đặc biệt tình hình chính trị Thái Lan sẽ tác động xấu tới nền kinh tế nước này (6). Ngoài ra, biến động tại Thái Lan cũng là minh chứng cho sự hạn chế của mô hình dân chủ theo kiểu phương Tây vốn được cổ suý bấy lâu nay.

Là một trong các thành viên quan trọng của tổ chức ASEAN, tình hình chính trị của Thái Lan đã tác động sâu sắc tới sự ổn định và phát triển của các nước thành viên. Đồng thời quan hệ hợp tác nội khối ASEAN cũng bị thách thức.

Đối với khu vực, khủng hoảng đã tác động tới hoạt động của các nước ASEAN và làm tổn hại tới các hoạt động ngoại giao của ASEAN. Một thực tế không thể phủ nhận được là hoạt động biểu tình chống đối của UDD đã buộc Thái Lan phải dừng cuộc họp cấp cao ASEAN dự kiến tổ chức ở Thái Lan tháng 4-2009. Trước tình hình chính trị hết sức phức tạp của Thái Lan, các nhà lãnh đạo nước ngoài đến Pattaya dự Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN và các đối tác đã hiểu được tình hình, đều tỏ ý thông cảm với chính phủ nước chủ nhà và vẫn ủng hộ Thái Lan đảm nhiệm cương vị Chủ tịch ASEAN. Tuy nhiên, ở một chừng mực nào đó, rõ ràng Thái Lan đã "mất điểm" trước mắt cộng đồng quốc tế. Chính Thủ tướng Abhisit, khi gửi lời xin lỗi tới người dân Thái Lan, cũng thừa nhận những diễn biến căng thẳng nói trên đã gây ảnh hưởng tới hình ảnh và uy tín của Thái Lan trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh thế giới và khu vực đang có nhiều biến động cùng với sự phát triển mạnh của xu thế toàn cầu hoá, liên kết khu vực, các nước ASEAN đã xây dựng nhiều cơ chế hợp tác khu vực mới nhằm đối phó lại với những thách thức mới xuất hiện tại khu vực. ASEAN đang đóng vai trò điều phối viên cho các cơ chế hợp tác khu vực như: ASEAN+1, ASEAN+3, Diễn đàn an ninh khu vực (ARF), Cấp cao Đông Á (cùng với Australia, Ấn Độ và New Zealand) và tiến tới xây dựng Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN vào năm 2015. Đến nay, trong khu vực có tổng cộng khoảng 13 cơ chế hợp tác khác nhau trên mọi lĩnh vực. Ngoài ra, có rất nhiều cơ chế hợp tác kinh tế do ASEAN chủ đạo cũng đã góp phần vào bối cảnh phát triển kinh tế ở khu vực, đó là Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), thoả thuận mậu dịch tự do (FTA) giữa ASEAN với các đối tác (7). Với việc các cuộc họp bị trì hoãn liên tục cũng ảnh hưởng tới cơ cấu hoạt động của các diễn đàn khu vực này.

Cuộc khủng hoảng chính trị xã hội tại Thái Lan cũng tác động trực tiếp tới tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN trong thời gian tới vì nó đã phá vỡ mục tiêu chính của việc xây dựng mô hình này là tạo sự ổn định cho 10 nước thành viên làm nền tảng cho việc tạo dựng sự ổn định cho khu vực và của Cộng đồng. Những diễn biến không thuận của tình hình Thái Lan đã làm ảnh hưởng tới mối quan hệ hợp tác về an ninh

chính trị giữa các nước thành viên ASEAN. Có thể một số lĩnh vực như: hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp giữa các nước thành viên, hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, quan hệ hợp tác giữa tổ chức ASEAN với các đối tác quan trọng như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản....

Rõ ràng là tình hình bất ổn ở Thái Lan đã tạo nên bất ổn định trong khu vực và làm ảnh hưởng đến tổ chức ASEAN. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế như hiện nay, bất ổn ở Thái Lan cũng đang tác động đến nỗ lực vượt qua khủng hoảng của toàn khối ASEAN. Tương lai và sức mạnh của một cộng đồng ASEAN trên thực tế vẫn phải dựa vào "sức khỏe" của mỗi thành viên. Tuy nhiên, tình hình nội bộ của Thái Lan cũng không nghiêm trọng tới mức sẽ tạo nên những tác động lớn trong tính toán chính sách của các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á.

2. Quan hệ giữa Mỹ và Thái Lan trước những diễn biến của khu vực và nội bộ Thái Lan

Nhà vua Thái Lan từng tiến cống voi cho Tổng thống Abraham Lincoln khi ông tiến hành cuộc Nội chiến năm 1861-1865. Mỹ có lợi ích lâu dài và lịch sử ở Thái Lan, mối quan hệ giữa Mỹ và Thái Lan bao gồm trên diện rộng, từ quan hệ chặt chẽ về an ninh và chính trị cho đến mối quan hệ quan trọng về thương mại và đầu tư và những gắn bó về giáo dục và văn hóa.

Từ năm 1954, Thái Lan trở thành một nước có ký hiệp ước đồng minh với Mỹ khi Hiệp ước Manila được ký kết, khối Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) ra đời. Trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa Mỹ và Thái Lan củng cố và phát triển dựa trên nhu cầu chung về lợi ích kinh tế và chiến lược, nhất là khi Mỹ dấn sâu vào cuộc chiến tại Việt Nam. Vì vậy, có thể thấy rằng quan hệ đồng minh giữa Mỹ và Thái Lan có nền tảng lịch sử vững chắc do Thái Lan đã là cơ sở hỗ trợ cho hoạt động quân sự của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và cả trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 (8). Tháng 10-2003, Tổng thống Mỹ Bush đã tuyên bố coi Thái Lan là "đồng minh ngoài NATO ở châu Á". Thoả thuận ký giữa hai nước vào tháng 7-2001 đã cho phép Thái Lan có thể mua các tên lửa tầm trung không đối không cho loại máy bay chiến đấu F-16. Trong thời gian dài, Thái Lan là căn cứ hậu cần cho các hoạt động cứu trợ khẩn cấp của Mỹ sau trận cơn bão Tsunami xảy ra ở biển Ấn Độ Dương năm 2004. Hầu hết các hoạt động cứu trợ của Mỹ đều xuất phát từ căn cứ không quân Utapao và căn cứ hải quân Sattahip của Thái Lan.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tình hình bất ổn ở Bangkok và những thay đổi về ưu tiên chiến lược đã tạo nên những thay đổi nhất định trong quan hệ giữa Mỹ và Thái Lan. Mặc dù mối quan hệ đồng minh giữa Mỹ và Thái Lan vẫn là điểm cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Thái Lan và Mỹ liên tục nhấn mạnh đến giá trị chiến lược của các cơ sở quân sự của Thái Lan, nhưng những điểm không ổn vẫn dễ có thể nhận thấy (9). Mỹ đã tạm ngừng hỗ trợ tài chính cho chính phủ Thái Lan sau cuộc đảo chính năm 2006 dựa theo Điều khoản 508 của Đạo luật về tính thích hợp đối với hoạt động ở nước ngoài (P.L.109-102) (10) nhưng đã được nối lại vào đầu năm 2008. Dù vậy, những gói viện trợ quân sự từ quân đội Mỹ cho Thái Lan vẫn được duy trì mặc dù có phần hạn chế trong suốt thời gian sau cuộc đảo chính, nguyên nhân chính là do Thái Lan đã hỗ trợ Mỹ đáng kể trong việc duy trì an ninh khu vực và trong suốt cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động. Một số nhà quan sát cho rằng phản ứng của Mỹ chưa đủ mạnh (11). Bên cạnh đấy, có một số

ý kiến cho rằng trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, Mỹ có thể có chiều hướng thiên về mở rộng quan hệ với Indonesia (12), vì vậy sẽ làm cho vị trí đối tác hàng đầu của Mỹ tại khu vực của Thái Lan giảm đi. Đồng thời, trong thời gian gần đây giữa Mỹ và Thái Lan cũng có những sự khác biệt trong việc nhìn nhận về sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực. Tất cả những điều này đang là mối nguy cơ cho quan hệ đồng minh lâu đời giữa hai nước và điểm tất yếu sẽ dẫn đến việc Mỹ củng cố quan hệ đồng minh với các nước Đông Nam Á khác.

Có hai yếu tố khách quan đã tác động đan xen khiến Mỹ và Thái Lan đều phải chú trọng quan hệ Mỹ - Thái Lan. *Thứ nhất*, quan hệ chặt chẽ về an ninh và chính trị sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế của mỗi nước. Thái Lan là một nước Đông Nam Á tập trung khá nhiều tính toán chiến lược của Mỹ. *Thứ hai*, những thách thức toàn cầu thúc đẩy việc tăng cường hợp tác song phương để giúp hai nước giải quyết hiệu quả hơn các nguy cơ đe doạ đến an ninh quốc gia và phát triển kinh tế. Bên cạnh đấy, nhận thức của Mỹ và Thái Lan cũng thay đổi trong nhận thức đối với quan hệ hợp tác giữa hai nước, đó là quan hệ hợp tác an ninh - chính trị là nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế. Cả hai nước đều có nhu cầu tập trung phát triển kinh tế trong giai đoạn hậu Chiến tranh lạnh. Vì vậy, mối quan hệ này đã có sự biến đổi về chất. Một trong các động cơ làm cho Mỹ cố gắng duy trì quan hệ với Thái Lan chính là do quan hệ giữa Trung Quốc và Thái Lan trong thời gian gần đây có phần gần nhau hơn là Mỹ và ảnh hưởng của Trung Quốc có chiều hướng tăng lên tại khu vực Đông Nam Á. Đây là một nhân tố quan trọng buộc Mỹ phải có những động thái trong quan hệ với Thái Lan và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

3. Đông Nam Á trong hoạch định chính sách của Mỹ

Đông Nam Á là khu vực đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của nhiều nước lớn, trong đó có Mỹ và Trung Quốc. Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Colin Powell từng xác định: "Đông Nam Á hoặc trở thành một bàn đạp để Mỹ cô lập Trung Quốc, hoặc là bàn đạp cho Trung Quốc tiến xuống châu Đại Dương và khi Trung Quốc kiểm soát được Đông Nam Á và tiến đến châu Đại Dương thì an ninh của Mỹ bị đẩy lùi đến tận bờ biển Thái Bình Dương của Mỹ". Trong chiến lược châu Á - Thái Bình Dương, cả Mỹ và Trung Quốc đều chọn Đông Nam Á làm trọng điểm. Đông Nam Á từng là nơi có sự hiện diện của quân đội Mỹ, nhưng do những sức ép từ cả trong và ngoài nước khiến Mỹ buộc phải rút đi, và không giấu giếm ý định quay trở lại. Hợp tác quân sự giữa Mỹ với các nước Đông Nam Á khá đa dạng, từ đào tạo binh lính tới cung cấp trang thiết bị vận tải, tập trận hay hỗ trợ những hoạt động lớn như cứu trợ nạn nhân sóng thần năm 2004.

Mỹ có những lợi thế và sức mạnh đáng kể tại khu vực Đông Nam Á và chính sách của Mỹ đối với khu vực này được xây dựng dựa trên tầm quan trọng của khu vực. Hiện tại, 10 nước ASEAN, khối các nước phụ thuộc nhiều vào thương mại, có GDP khoảng 1,3 ngàn tỷ USD, đang thu hút đầu tư của Mỹ nhiều hơn cả Trung Quốc và Ấn Độ: khoảng 153 tỷ USD so với 45 tỷ USD vào Trung Quốc và 16 tỷ USD vào Ấn Độ. Đứng về mặt lợi ích an ninh và chiến lược, ASEAN có 2/5 nước là đồng minh của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đó là: Philippines và Thái Lan. Ngoài ra, Singapore cũng là một nước hợp tác hết sức chặt chẽ với Mỹ. Indonesia và Việt Nam đang "chia sẻ" những lợi ích chung với Mỹ và trong thời gian tới, có khả năng sẽ trở

thành các đối tác can dự sâu hơn đối với các vấn đề an ninh và chiến lược của Mỹ. Bên cạnh đó, một trong những tuyến đường biển quan trọng nhất thế giới, eo biển Malacca và Biển Đông, lại nằm trong khu vực này. Nơi đây cũng có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào với hệ sinh học thuộc diện đa dạng nhất trên thế giới.

Chiến lược toàn diện của Mỹ đối với châu Á sẽ khó hoàn thiện nếu thiếu một chiến lược được xác định rõ ràng với khu vực Đông Nam Á, nơi những nước quan trọng nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương gặp gỡ và cạnh tranh. Mỹ không thể nhượng bộ hoặc đánh giá thấp những lợi ích cơ bản của mình tại khu vực quan trọng này. Một trong những mục đích hàng đầu của Mỹ trong việc tăng cường hợp tác quân sự với các nước Đông Nam Á là tạo một vành đai an toàn, ngăn chặn sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc xuống phía Nam. Điều này cũng bắt nguồn từ những lo ngại mang tính lịch sử của một số quốc gia trong khu vực đối với sức mạnh đang lên của Trung Quốc. Cạnh tranh giữa hai nước lớn là Mỹ và Trung Quốc đã và đang càng gay gắt hơn do Mỹ điều chỉnh can dự theo hướng thực dụng và linh hoạt. Mỹ sẽ chọn những điểm và những địa bàn trọng điểm để đột phá vào nhằm giành lại ảnh hưởng và lợi ích chiến lược bằng việc đẩy mạnh các bước can dự quyết liệt hơn vào Đông Nam Á. Hơn nữa, những tranh chấp giữa các nước này với Trung Quốc về chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông cũng có xu hướng đẩy các nước này ngả về phía Mỹ nhằm tìm kiếm một đối trọng đủ lớn.

Kể từ sau năm 1975 đến nay, sự chú trọng của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thường bị tác động bởi diễn biến của tình hình khu vực, chính sách của Mỹ tại đây không phát triển được thành một chiến lược phù hợp. Việc Mỹ thiếu một chiến lược đối với châu Á lâu nay đã ảnh hưởng tới cân bằng trong khu vực. Điều này đã tạo điều kiện cho Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng tại đây, đe dọa quyền lợi của Mỹ và dần dần sẽ làm yếu đi khả năng đảm bảo an ninh của chính nước Mỹ. Do đó, diễn biến tình hình thúc đẩy Mỹ phải xem lại trọng tâm can dự của mình đối với khu vực. Bên cạnh đấy, bản thân các nước Đông Nam Á cho đến nay vẫn tìm kiếm sự cân bằng, vì thế họ sẽ đón nhận sự hiện diện của Mỹ trong khu vực đồng thời duy trì các mối quan hệ song và đa phương với Trung Quốc. Không một nước nào trong khu vực này muốn bị đẩy vào thế phải lựa chọn giữa hai cường quốc. Với tất cả các lý do trên, Mỹ nhận thấy cần chấm dứt những rạn nứt trong chính sách áp dụng với khu vực Đông Nam Á kể từ khi kết thúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đồng thời, thông qua ASEAN gồm 10 nước thành viên của khu vực, Mỹ sẽ chủ động, tích cực can dự sâu hơn vào tiến trình hình thành các khuôn khổ đa phương ở khu vực; coi ASEAN là động lực chủ đạo cho các cơ chế hợp tác, đối thoại khu vực; thúc đẩy cơ chế Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN vừa đã được thiết lập.

Rõ ràng, quan hệ giữa Mỹ với ASEAN đã thực sự thay đổi kể từ tháng 7-2009. Sự thay đổi này đánh dấu bằng việc Mỹ đã đặt bút ký tham gia Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Đông Nam Á tại Hội nghị Diễn đàn khu vực ARF 16. Đây được coi là tín hiệu mạnh mẽ nhất cho thấy Nhà Trắng "muốn xích lại Đông Nam Á".

4. Triển khai chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama

Ngay sau khi lên cầm quyền, Tổng thống Barack Obama tỏ dấu hiệu cho thấy sự thay đổi trên nhưng việc tăng cường can dự vào khu vực Đông Nam Á. Trong năm đầu tiên nhậm chức 2009, Tổng thống Mỹ Obama đã làm việc mà trước đây chưa có

tổng thống Mỹ nào làm, là tham dự hội nghị thượng đỉnh của khối các quốc gia Đông Nam Á tại Singapore. Tổng thống Obama tự coi mình là "Tổng thống Thái Bình Dương đầu tiên của Mỹ" và mở màn cho Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - ASEAN trong đó có cả 10 nhà lãnh đạo của ASEAN.

Khác với những người tiền nhiệm, ông Obama khi vừa đắc cử đã lập tức xác định việc xây dựng quan hệ chặt chẽ với Đông Nam Á là nền tảng chính sách ngoại giao của mình. Trong chuyến thăm châu Á hồi năm ngoái, ông tự nhận mình là "Tổng thống mang tầm vóc Thái Bình Dương" đầu tiên của Mỹ. Jeff Bader, Giám đốc phụ trách khu vực châu Á trong Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ, đã khẳng định mối quan tâm đặc biệt này của ông Obama. "Kể từ khi chính quyền này thành lập, chúng tôi đã nỗ lực xây dựng lại quan hệ với ASEAN" - AFP dẫn lời ông Bader - "Chúng tôi cho rằng khu vực này xứng đáng nhận được nhiều sự quan tâm hơn nữa" (13). Mỹ đã thừa nhận Đông Nam Á có tầm quan trọng chiến lược đặc biệt đối với lợi ích và an ninh của Mỹ, trong đó ASEAN là "hạt nhân và động lực chủ đạo cho các cơ chế hợp tác khu vực", Chính quyền Obama đã có những điều chỉnh mạnh mẽ và quyết đoán trong tăng cường can dự mạnh hơn với khu vực Đông Nam Á. Cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - ASEAN lần đầu tiên ngày 15-11-2009 thể hiện cấp độ can dự mới cao hơn mang tính lịch sử của Mỹ với khu vực Đông Nam Á. Trong cuộc gặp cấp cao này, Tổng thống Obama tái khẳng định cam kết của Mỹ tăng cường can dự với Đông Nam Á trên phương diện cả với các quan hệ đồng minh, đối tác trong ASEAN và với cả khối ASEAN; nhấn mạnh "sự cần thiết mở rộng trao đổi cấp cao về các vấn đề cùng quan tâm". Cách tiếp cận của Mỹ đối với khu vực có thể nói rằng dựa trên những tính toán về lợi ích hiện tại và tương lai của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á.

Trong Báo cáo Quốc phòng 2010 (QDR-2010), Mỹ xác định, tại Đông Nam Á, Bộ Quốc phòng Mỹ đang tăng cường thúc đẩy quan hệ đồng minh, ổn định lâu dài với Thái Lan, Philippines; làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác với Singapore; phát triển các mối quan hệ chiến lược mới với Indonesia, Malaysia và Việt Nam nhằm giải quyết các vấn đề khu vực (chống khủng bố, chống buôn bán ma tuý, ủng hộ các hoạt động trợ giúp nhân đạo trong khu vực). Mỹ tăng cường quan tâm viện trợ, lôi kéo các nước trong khu vực tham gia các diễn tập quân sự, như cuộc diễn tập gìn giữ hòa bình "Người lính Angco", CARAT, "Cope Tiger 2010", "Hổ mang vàng"... Trong báo cáo năm 2006, khu vực Đông Nam Á được nhắc đến một cách chung chung là các đối tác tiềm năng. Còn trong báo cáo năm nay, Lầu Năm Góc đã chi tiết hơn nhiều trong việc nêu tên các nước. Mỹ chia các nhóm quốc gia ở Đông Nam Á thành ba nhóm: đồng minh thân thiết, đối tác chiến lược và đối tác chiến lược tiềm năng. Nhóm thứ nhất gồm Thái Lan và Philippines, đã có hiệp ước về quân sự. Nhóm thứ hai có Singapore. Nhóm ba gồm Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Lầu Năm Góc sẽ củng cố tình thân với Manila và Bangkok; làm sâu sắc thêm mối quan hệ với Singapore; và "phát triển những mối quan hệ chiến lược mới" với Jakarta, Kuala Lumpur và Hà Nội.

Tháng 1-2010, Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton đã có chuyến thăm các nước Papua New Guinea, Australia, New Zealand, nhằm: (1) Xác định tầm quan trọng của vành đai chiến lược châu Á - Thái Bình Dương ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc; (2) Tái khẳng định sự trở lại châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ và "tạo sự tin tưởng, trấn an" ASEAN với các cam kết của Mỹ; (3) Chuẩn bị cho các chuyến công du

của Tổng thống Obama năm 2010, trong đó có ASEAN; (4) Củng cố và thắt chặt quan hệ đồng minh với Australia, New Zealand; triển khai hợp tác toàn diện của Mỹ đối với các đối tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; (5) Thảo luận việc chuẩn bị nội dung cho cuộc gặp về Đối tác xuyên Thái Bình Dương dự kiến tổ chức vào tháng 3-2010. Trước đó, ngày 14-12-2009, Chính quyền của Tổng thống Obama đệ trình Quốc hội Mỹ phê chuẩn Kế hoạch Triển khai Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), một Hiệp định Thương mại tự do với dự kiến có 7 quốc gia thuộc châu Á - Thái Bình Dương tham gia (Việt Nam, Singapore, Australia, New Zealand, Brunei, Chile và Peru).

Tổng thống Obama thể hiện cam kết của Mỹ trong việc thực hiện chính sách tăng cường can dự với Đông Nam Á, thông qua các đồng minh và đối tác mới. Mỹ ghi nhận vai trò của ASEAN trong kiến trúc an ninh châu Á - Thái Bình Dương thông qua việc gia nhập Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á và tham gia Cấp cao ASEAN-Mỹ lần thứ nhất. Tổng thống Obama đã nhanh chóng điều chỉnh chiến lược và triển khai chính sách đối ngoại mới theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, thực dụng, coi trọng chủ nghĩa đa phương, sức mạnh tập thể nhằm tạo ra một mô hình quan hệ đối tác mở rộng với sự lãnh đạo của Mỹ. Sau khi Mỹ chính thức ký Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện ở Đông Nam Á (TAC) tại Hội nghị Diễn đàn An ninh khu vực ASEAN lần thứ 16 (ARF-16) tổ chức ở Thái Lan (7-2009), khi tham dự Hội nghị Thượng đỉnh APEC và Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN tại Singapore (11-2009), Tổng thống Obama khẳng định: "Mỹ cam kết thực hiện chính sách tăng cường can dự với Đông Nam Á" thông qua các đồng minh và đối tác mới. Mỹ mong muốn cùng ASEAN thúc đẩy tiến bộ ở Myanmar và thành lập nhóm nhân sĩ Mỹ - ASEAN.

Ngày 24-9, nhân dịp khai mạc Hội nghị cấp cao Mỹ-ASEAN ở New York, nhật báo "The Hill" có bài viết nhan đề "Hội nghị cấp cao Mỹ-ASEAN: Một cơ hội để can dự trở lại với Đông Nam Á" nhận xét "Những chuyến thăm liên tục gần đây của Ngoại trưởng Hillary Clinton và Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates cũng như sự hiện diện của Tổng thống Barack Obama tại diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tại Singapore năm 2009 cho thấy, một điều rất rõ rằng chính quyền Obama coi Đông Nam Á là khu vực đang lên, có ảnh hưởng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) cũng mong muốn Mỹ sẽ tham dự hiệu quả hơn vào khu vực này".

Sự tái can dự của Mỹ đối với Đông Nam Á dưới thời Obama là hiện tượng mới xuất hiện trong quan hệ quốc tế gần đây. Còn nhớ sau sự kiện 11-9-2001, chính quyền Bush do quá bận tâm với cuộc chiến chống khủng bố nên chỉ chú ý đến Đông Nam Á với tư cách "mặt trận thứ hai" trong cuộc chiến toàn cầu do Mỹ lãnh đạo. Sau khi lên cầm quyền tháng 11-2008, Tổng thống Obama được kỳ vọng sẽ mang lại một cách tiếp cận mới mẻ đối với khu vực có tầm quan trọng ngày càng tăng ở châu Á - Thái Bình Dương này. Như lời Ngoại trưởng Clinton tuyên bố tại Hội nghị ARF ở Thái Lan tháng 7-2009: "... nước Mỹ trở lại Đông Nam Á. Tổng thống Obama và tôi tin tưởng rằng khu vực này có tầm quan trọng sống còn đối với quá trình toàn cầu, hòa bình và phồn vinh. Chúng tôi sẽ can dự đầy đủ với các đối tác ASEAN trước hàng loạt thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt".

Như vậy, có thể thấy một thực tế rõ ràng là cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội ở Thái

Lan trong thời gian qua, mặc dù có thể là một trong những nhân tố làm cho quan hệ song phương giữa Mỹ và Thái Lan tuy có lúc biểu hiện những dấu hiệu xấu đi và ảnh hưởng đến quan hệ giữa Thái Lan và các nước trong khối ASEAN nhưng do tầm quan trọng của khu vực nên Mỹ vẫn sẽ tiếp tục quan tâm và có những điều chỉnh tích cực với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Qua những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ nhằm cải thiện quan hệ với các quốc gia trên thế giới mà đặc biệt là Đông Nam Á, có thể thấy được tương lai tốt đẹp cho sự hiện diện của Mỹ tại khu vực. Bằng cách giúp ASEAN, Mỹ cũng tự giúp chính mình trong nhiều vấn đề. Xuất phát từ nhu cầu thực sự từ hai phía, hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Mỹ và Đông Nam Á sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai. Mỹ cũng sẽ đẩy mạnh can dự nhiều hơn vào khu vực, kể cả trong những vấn đề mà từ trước đến nay, Mỹ vẫn "lờ đi" như tranh chấp chủ quyền giữa các bên ở Biển Đông nhằm đảm bảo quyền tự do hàng hải của tàu thuyền Mỹ tại khu vực này. Chính sách hợp tác song phương và liên tục của Mỹ sẽ giúp ích nhiều cho sự phát triển quan hệ giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á trong những năm tới.

CHÚ THÍCH

(1). Phạm Nguyên Long, Nguyễn Tương Lai. *Lịch sử Thái Lan*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1998, tr. 137.

(2). Nhận xét của nhà báo Kavi Chongkittavorn, thành viên nhóm trợ lý tổng biên tập, thuộc The Nation Multimedia Group, Thái Lan tại buổi trình bày về "cập nhật tình hình Thái Lan" cho các đại biểu tham dự Hội thảo bàn tròn lần thứ 24 về "An ninh châu Á - Thái Bình Dương" tại Kuala Lumpur từ 7-9 tháng 6 năm 2010.

(3), (4). Hải Minh. *"Thái Lan mất sức cạnh tranh với láng giềng"*. *VN Express*, 20-5-2010.

(5). Việt Hà. *Bốn tác động của cuộc khủng hoảng chính trị tại Thái Lan*. Theo *Dân Trí, 22-4-2010*.

(6). World Bank. *Thailand's Economy to Grow 6.1% Despite Political Turmoil*. http://english.people.com.cn/90001

(7). Cho đến nay ASEAN đã ký thoả thuận xây dựng FTA với sáu đối tác chủ chốt ở khu vực Đông Á, trong đó đặc biệt quan trọng là FTA với Trung Quốc đã bắt đầu có hiệu lực từ 1-1-2010.

(8). Trong chiến tranh Triều Tiên, Thái Lan đã gửi 6.500 quân hỗ trợ hoạt động của Mỹ; trong thời gian Mỹ tham chiến tại Việt Nam, Thái Lan đã là căn cứ quân sự cho 50.000 quân Mỹ và trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991 và cuộc chiến của Mỹ tại Iraq năm 2003, Thái Lan đã là căn cứ sửa chữa và hậu cần cho quân đội Mỹ. CRS. *Thailand: Background and US Relations*. June 8, 2009, tr. 8.

(9). Crispin, Shawn. "When Allies Drift Apart". *Asia Times*. 14-2-2009.

(10). Tiếng Anh: The Foreign Operations Appropiation (P.L.109-102)

(11). Emma Chanlett - Avery, *Political Turmoil in Thailand and U.S interests*. Congressional Research Service. May 26, 2009, tr. 4.

(12). Trong chuyến thăm của Ngoại trưởng Clinton đến Indonesia tháng 1-2010, bà đã tuyên bố Mỹ sẽ thành lập văn phòng ASEAN đóng tại Jakarta. Chính phủ hai nước đã nhất trí thực hiện quan hệ đối tác toàn diện, tạo điều kiện cho quan hệ song phương lâu dài và bền chặt giữa hai nước. Ngoại trưởng Clinton đã tuyên bố "việc xây dựng quan hệ đối tác toàn viện với Indonesia sẽ là bước quan trọng cho việc Mỹ triển khai cam kết sức mạnh thông minh của mình...".

(13). Đột phá quan hệ ASEAN - Mỹ. *Thanh Niên Online* - Thứ Bảy, 25-9-2010.